

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tiến

2. Ông Bùi Ngọc Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lường Thị T**, sinh năm: 1994. Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Bản NN, xã LH, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt có lý do)

2. *Bị đơn:* Anh **Lò Văn T**; Sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Lò Văn T đăng kí kết hôn tại UBND xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 14/10/2011. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới, anh chị sinh sống tại bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Lò Văn T nghiện ma túy, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Mâu

thuần giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân, chị Lương Thị T về Sơn La ở còn anh Lò Văn T ở Điện Biên. Ngày 10/5/2023, anh Lò Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Sốp Sơn, thành phố Hà Nội tuyên xử 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, anh Lò Văn T đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân đến ngày 10/5/2024 thì chấp hành án xong và trở về địa phương sinh sống. Hiện tại chị Lương Thị T không còn tình cảm với anh Lò Văn T, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Lò Văn T có 02 người con chung là cháu Lò Thị Hồng N, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lò Văn T, sinh ngày 30/3/2014. Hiện hai cháu đang sống cùng chị Lương Thị T, nguyện vọng của chị Lương Thị T sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi các con chung chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai đề ngày 03/4/2024, bị đơn anh Lò Văn T trình bày:

Anh không đồng ý ly hôn với chị Lương Thị T vì vợ chồng trong quá trình chung sống không nảy sinh mâu thuẫn. Bản thân anh Lò Văn T chỉ còn 1, 2 tháng nữa là chấp hành án xong.

Anh Lò Văn T không trình bày ý kiến về con chung và quan hệ tài sản.

Tại bản tự khai của các con chung đề ngày 05/4/2024, cháu Lò Thị Hồng N và cháu Lò Văn T đều trình bày: Bố mẹ ly hôn các cháu muốn ở với mẹ, các cháu còn nhỏ chưa có tài sản gì.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Chị Lương Thị T có Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn qua đường bưu điện đến Trại giam nơi bị đơn đang chấp hành án; Sau khi hoãn phiên tòa bị đơn đã chấp hành án xong và trở về địa phương sinh sống nên Tòa án thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng về nơi cư trú của bị đơn theo quy định của pháp luật. Ngày 23/4/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của chị Lương Thị T và anh Lò Văn T tại bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án, Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện cơ bản đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị T; Giao các con chung là cháu Lò Thị Hồng N và cháu Lò Văn T cho chị Lương Thị T trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung và quan hệ tài sản; Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Chị Lương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn T và yêu cầu giải quyết về con chung, đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lò Văn T đăng ký thường trú tại bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Các vấn đề khác: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị T và bị đơn anh Lò Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Lương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228/BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lương Thị T và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2011 tại UBND xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Chị Lương Thị T và anh Lò Văn T kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Lò Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/4/2024 tại bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên và lời khai của chị Lương Thị T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Chị Lương Thị T và anh Lò Văn T chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lò Văn T nghiện ma túy, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống; Anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành nên năm 2019 chị Lò Văn T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Sơn La sinh sống, từ đó đến nay anh chị sống ly thân; Ngày 10/5/2023, anh Lò Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tuyên xử 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, anh Lò Văn T chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân đến ngày 10/5/2024 thì chấp hành án xong và trở về địa phương sinh sống. HĐXX nhận định: Anh Lò Văn T trình bày vợ chồng trong quá trình chung sống không nảy sinh mâu thuẫn là không đúng, mâu thuẫn giữa chị Lương Thị T và anh Lò Văn T là có thật, anh Lò Văn T nghiện ma túy và phải đi chấp hành án nên không thể làm tròn trách nhiệm của mình để chăm sóc

vợ, con; anh Lò Văn T và chị Lường Thị T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa làm cho hôn nhân giữa chị Lường Thị T và anh Lò Văn T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Lường Thị T.

[2.2] Về con chung: Chị Lường Thị T và anh Lò Văn T có 02 người con chung là: cháu Lò Thị Hồng N, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lò Văn T, sinh ngày 30/3/2014. Xét nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung của chị Lường Thị T cũng như nguyện vọng của các con chung đều muốn ở cùng chị Lường Thị T, các cháu đang sinh sống và học tập ổn định ở tỉnh Sơn La cùng chị Lường Thị T từ năm 2019 cho đến nay; mặt khác theo Biên bản xác minh ngày 23/4/2024 tại bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên và Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 05/4/2024 của chị Lường Thị T tại Trưởng bản Nà Nôm và UBND xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thể hiện chị Lường Thị T hiện tại làm nông nghiệp và thi thoảng đi làm thuê nên có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc các con chung. Xét thấy anh Lò Văn T vừa chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống nên chưa có điều kiện ổn định để nuôi dưỡng các con chung, nguyện vọng của chị Lường Thị T và các con chung là phù hợp với thực tế, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của các con chung, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị T, giao hai con chung cho chị Lường Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lò Văn T không trình bày ý kiến nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Lường Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả và nợ lấy về, anh Lò Văn T không trình bày ý kiến nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS, Chị Lường Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm nhưng chị Lường Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Lường Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến và đề nghị đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273/BLTTDS;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 71; Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Chị Lường Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là cháu Lò Thị Hồng N, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lò Văn T, sinh ngày 30/3/2014 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi các con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả và nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về.

4. Về án phí: Chị Lường Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị T và anh Lò Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Châm